

Số: /QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Nhà máy sản xuất, gia công, lắp đặt kết cấu thép
tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 54, ấp Cây Khô, xã Tam Lập, huyện Phú
Giáo, tỉnh Bình Dương của Công ty cổ phần Phụ kiện và Nhà thép Nhất**

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình
Dương;*

*Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi
trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi
trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác
khoáng sản và cấp Giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền
của Ủy ban nhân dân tỉnh;*

*Xét Tờ trình số 3276/TTr-CCBVMT ngày 27 tháng 5 năm 2024 của Chi cục
Bảo vệ môi trường về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Nhà máy sản xuất, gia công, lắp đặt kết cấu thép tại thửa đất số 57,
tờ bản đồ số 54, ấp Cây Khô, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
của Công ty cổ phần Phụ kiện và Nhà thép Nhất;*

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án Nhà máy sản xuất, gia công, lắp đặt kết cấu thép (sau đây gọi là Dự
án) của Công ty cổ phần Phụ kiện và Nhà thép Nhất (sau đây gọi là Chủ dự án)
thực hiện tại thửa đất số 57, tờ bản đồ số 54, ấp Cây Khô, xã Tam Lập, huyện
Phú Giáo, tỉnh Bình Dương với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban
hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Chủ dự án;
- Bộ TNMT (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Phú Giáo;
- UBND xã Tam Lập;
- Lưu: VT, CCBVMT, T.Giang8.

GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
NHÀ MÁY SẢN XUẤT, GIA CÔNG, LẮP ĐẶT KẾT CẤU THÉP
TẠI THỬA ĐẤT SỐ 57, TỜ BẢN ĐỒ SỐ 54, ÁP CÂY KHÔ, XÃ TAM LẬP,
HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STNMT ngày tháng năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)*

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung:

- Tên dự án: Nhà máy sản xuất, gia công, lắp đặt kết cấu thép.
- Địa điểm thực hiện: Thửa đất số 57, tờ bản đồ số 54, ấp Cây Khô, xã Tam Lập, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty cổ phần Phụ kiện và Nhà thép Nhất.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Diện tích dự án: 137.539m², gồm có:
 - + Diện tích xây dựng công trình giai đoạn 1: 62.705,49m².
 - + Diện tích xây dựng công trình giai đoạn 2: 10.080m².
 - + Diện tích đường giao thông, sân bãi: 29.461,61m².
 - + Diện tích đất cây xanh: 35.291,9m².
- Công suất sản xuất: 70.000 tấn/năm

1.3. Công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (*thép cuộn và thép tấm*) => Gia công (*cắt, tiện,...*) => Dập và khoan => Hàn 1 => Nắn thẳng cầu kiện => Hàn 2 => Mài => Vệ sinh bề mặt => Sơn => Kiểm tra => Đóng gói => Xuất hàng.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư:

1.4.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- Nhà xưởng 01 (*khu vực để vật tư, khu vực xuất hàng, khu vực gia công chi tiết phụ kiện*): 8.100m² (*dài x rộng = 180m x 45m*).
- Nhà xưởng 02 (*khu vực gia công kết cấu, khu vực chứa nguyên liệu, nhà vệ sinh*): 10.800m² (*dài x rộng = 180m x 60m*).
- Nhà xưởng 03 (*khu vực hàn 1, hàn 2, khu vực mài, khu vực vệ sinh bề mặt (phun bi), khu vực nguyên liệu chờ, nhà vệ sinh 1, nhà vệ sinh 2, kho 1, kho 2, kho hóa chất, khu phụ trợ*): 19.458m² (*dài x rộng = (180m x 100m) + (72m x 9m) + (90m x 9m)*).
- Nhà xưởng 04 (*kho hóa chất 2, khu vực phun sơn và để khô sản phẩm, khu vực thành phẩm, khu vực kiểm tra, khu vực xuất hàng*): 17.070m² (*dài x rộng = 284,5m x 60m*).

- Nhà kho (*kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường, kho chứa chất thải nguy hại, kho công cụ*): 1.216m^2 (dài x rộng = $38\text{m} \times 32\text{m}$).

- Xưởng cơ khí (*bảo trì máy móc, thiết bị*): 1.800m^2 (dài x rộng = $72\text{m} \times 25\text{m}$).

1.4.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

- Nhà văn phòng: $896,7\text{m}^2$.

- Nhà ăn và nghỉ giữa ca công nhân viên $1.310,4\text{m}^2$

- Nhà vệ sinh 1: 59m^2

- Nhà xe công nhân: 768m^2

- Nhà xe nhân viên 01 (50 chỗ): 120m^2

- Nhà xe nhân viên 02 (80 chỗ): 180m^2

- Nhà bảo vệ 01: $12,6\text{m}^2$.

- Nhà bảo vệ 02: $12,6\text{m}^2$.

- Nhà xe ô tô: 150m^2

- Trạm điện 01: 160m^2

- Trạm điện 02: 70m^2

- Trạm LPG 10 tấn (ngoài trời): $139,68\text{m}^2$.

- Nhà bơm – bể nước ngầm: 408m^2

- Hồ chứa nước mưa (xây âm đất): 676m^2 .

- Bể phòng ngừa ứng phó sự cố nước thải (xây âm đất): 100m^2 .

- Hồ cảnh quan (xây âm đất): 85m^2 .

1.4.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

- Khu vực tập kết chất thải rắn phía sau nhà kho của dự án (dài x rộng): $5\text{m} \times 2\text{m} = 10\text{m}^2$.

- Kho chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường (bố trí trong nhà kho) (dài x rộng): $23,64\text{m} \times 14,8\text{m} = 350\text{m}^2$.

- Kho chứa chất thải nguy hại (bố trí bên trong nhà kho) (dài x rộng): $14,8\text{m} \times 14,2\text{m} = 210\text{m}^2$.

- Nhà điều hành công trình xử lý nước thải (dài x rộng): $3,2\text{m} \times 1,7\text{m} = 5,44\text{m}^2$.

- Công trình xử lý nước thải (dài x rộng): $(11,35\text{m} \times 8,75\text{m}) + (5,55\text{m} \times 1,7\text{m}) = 108,75\text{m}^2$.

- Đất cây xanh và hành lang cách ly: diện tích $35.291,9\text{m}^2$, trong đó diện tích cây xanh cách ly xung quanh công trình xử lý nước thải là 630m^2 ; đường giao thông – sân bãi diện tích $29.461,61\text{m}^2$.

- Đất dự trữ cho giai đoạn 2: 10.080 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án: phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, nước thải từ quá trình xây dựng, chất thải rắn thông thường (*chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng*), chất thải nguy hại ảnh hưởng đến môi trường không khí, chất lượng nước mặt khu vực dự án và nguy cơ xảy ra sự cố tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy nổ.

- Hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị gây ra các tác động phát sinh: bụi, CO, SO₂, NO_x.

- Hoạt động thi công, xây dựng các hạng mục công trình của dự án gây ra các tác động phát sinh:

- + Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng, nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.

- + Bụi, khí thải từ quá trình thi công, xây dựng: bụi, CO, SO₂, NO_x.

- + Chất thải rắn sinh hoạt từ công nhân xây dựng: thức ăn dư thừa, bao bì,...

- + Chất thải rắn thông thường (chất thải xây dựng): gạch, cát, đá, gỗ, xà bần....

- + Chất thải nguy hại: dầu nhớt thải, giẻ lau, bao bì đựng sơn.

2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Hoạt động gia công cơ khí, dập và khoan (*tại Nhà xưởng 01 và Nhà xưởng 02*) gây ra các tác động:

- + Bụi kim loại phát sinh từ công đoạn gia công cơ khí (cắt thủy lực, cắt CNC); công đoạn dập và khoan.

- + Hơi dầu khoáng từ quá trình gia công cơ khí.

- + Bụi và khí thải từ việc đốt gas cấp nhiệt cho công đoạn gia công cơ khí (cắt gió đá).

- Hoạt động mài, làm sạch bề mặt, hàn (*tại Nhà xưởng 03*) gây ra các tác động:

- + Bụi kim loại và đá mài phát sinh từ công đoạn mài.

- + Bụi phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại bằng máy phun bi thép.

- + Khói hàn từ công đoạn hàn 1 và hàn 2.

- Hoạt động sơn (*tại Nhà xưởng 04*) gây ra các tác động: Bụi và hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn.

- Hoạt động khác (*tại Nhà xưởng 01 + Nhà xưởng 02 + Nhà xưởng 03 + Nhà xưởng 04 + các công trình phụ trợ và hoạt động sản xuất nói chung tại dự án*) gây ra các tác động:

+ Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

+ Nước thải sinh hoạt của nhân viên làm việc tại dự án.

+ Bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra vào dự án.

- Hoạt động thu gom, xử lý nước thải, thu gom, lưu trữ, vận chuyển chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh mùi hôi.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng:

3.1.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng với lưu lượng khoảng 3,4m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (COD/BOD), các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh vật.

- Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng (*gồm: vệ sinh phương tiện, máy móc, thiết bị thi công, rửa xe ra vào công trình xây dựng*) với lưu lượng khoảng 5m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (SS), dầu mỡ khoáng,...

b) Khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị và thi công, xây dựng của dự án. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, SO₂, NO_x.

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt của 180 công nhân trên công trường thi công với khối lượng khoảng 90 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, thùng chứa, giấy, chai lọ, ...

- Chất thải rắn thông thường: chất thải rắn thông thường (*sắt, thép, giấy, bao bì, gạch, cát, đá, gỗ, xà bần, gỗ cốppha, nhựa vụn...*) với khối lượng khoảng 2.977,7 tấn trong toàn thời gian xây dựng; đất từ hoạt động đào cống thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải với khối lượng 55.337,51 kg (*Dự án không phát sinh đất dôi dư*).

- Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 513,82 kg/tháng. Thành phần chủ yếu như: dầu nhớt thải, giẻ lau, bao bì đựng sơn, dung môi thải, giấy nhám, que hàn...

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động đào đất, vận chuyển nguyên vật

liệu, máy móc, thiết bị và thi công, xây dựng các hạng mục công trình.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến đường giao thông xung quanh dự án (*hư hỏng, sụt lún*).
- Nước mưa chảy tràn có thể gây ra tình trạng ngập úng tạm thời.
- Các chất thải rơi vãi trong quá trình vận chuyển vật liệu ảnh hưởng đến giao thông trên tuyến đường nhựa ĐH 502, đường Vườn Sao.

3.2. Trong giai đoạn vận hành:

3.2.1. Nước thải, khí thải

a) Nước thải

- Nước thải sinh hoạt của 1.000 công nhân viên với lưu lượng khoảng 80m³/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (COD/BOD), các chất dinh dưỡng (N,P), amoni, vi sinh vật gây bệnh và dầu mỡ động thực vật.

- Nước thải phát sinh từ việc xả đáy hồ cảnh quan với lưu lượng 2,74m³/ngày (định kỳ thải 1 tháng/lần). Thành phần ô nhiễm chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS).

b) Bụi, Khí thải

- Bụi kim loại và đá mài phát sinh từ công đoạn mài (*tại Nhà xưởng 03*). Thành phần ô nhiễm chủ yếu là bụi kim loại, bụi đá mài.

- Bụi phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại bằng máy phun bi thép (*tại Nhà xưởng 03*). Thành phần ô nhiễm chủ yếu là bụi kim loại.

- Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn (*tại Nhà xưởng 04*). Thành phần ô nhiễm chủ yếu là Bụi sơn, Xylene, Ethylbenzen, Toluene, Xăng trắng (C_nH_{2n+2}).

- Khí thải từ quá trình vận hành máy phát điện sử dụng dầu DO. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là Bụi, NO_x, SO₂, CO, VOC.

- Mùi phát sinh từ khu vực tập trung chất thải rắn, hệ thống thoát nước. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là NH₃, H₂S và Mercaptan.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của 1.000 công nhân viên với khối lượng khoảng 650 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh gồm: Kim loại thải (thép cuộn, thép tấm thải) trong quá trình sản xuất khoảng 1.143,36 tấn/năm; bao bì mềm đóng gói thải, bao bì đựng nguyên liệu thải khoảng 7,8 tấn/năm; bùn thải từ quá trình xử lý nước thải khoảng 21,84 tấn/năm; lõi đá mài thải khoảng 0,53 tấn/năm; lõi dây hàn thải khoảng 17,82 tấn/năm; giấy vụn từ văn phòng khoảng 1 tấn/năm; hộp mực in (*văn phòng*) khoảng 0,2 tấn/năm.

b) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại có thành phần chủ yếu như: Cặn sơn, sơn và véc ni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác; dây hàn thải có thành phần nguy hại; bụi kim loại dính thành phần nguy hại; vật thể dùng để mài đã qua sử dụng có các thành phần nguy hại (đá mài); hạt bi thép dính dầu nhớt thải; pin, ắc quy thải; dầu DO, dầu bôi trơn; dầu thủy lực; bóng đèn led thải; thùng phuy đựng dầu nhớt thải; thùng phuy đựng sơn thải; than hoạt tính bão hòa thải; màng lọc bụi sơn bão hòa thải; túi vải lọc bụi thải với tổng khối lượng khoảng 119.408,05 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, từ máy móc thiết bị, hoạt động của công trình xử lý nước thải, công trình xử lý bụi và khí thải.

3.2.4. Các tác động khác

Các rủi ro sự cố cháy nổ, sự cố rò rỉ hoá chất, sự cố môi trường từ công trình xử lý nước thải và công trình xử lý khí thải trong giai đoạn vận hành.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng => 03 Nhà vệ sinh lưu động => Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định.

- Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng => Bể lắng tạm thời (thể tích 5m³, kích thước 2,5m x 1m x 2m) => Bể tách dầu mỡ tạm thời (thể tích 1,25m³, kích thước 2m x 0,5m x 1m) => Tận dụng phun ẩm để hạn chế bụi. Dầu mỡ từ hồ lắng được thu gom vào thùng chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý đúng quy định.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động khi lập kế hoạch tổ chức thi công như các biện pháp thi công, biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông.

- Chỉ sử dụng những phương tiện được đăng kiểm theo quy định; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; che phủ bạt đối với tất cả các phương tiện chuyên chở nguyên vật liệu; các xe khi ra khỏi Dự án phải được rửa các bánh xe nhằm tránh mang đất từ Dự án ra các con đường xung quanh khu vực,...; tưới nước giảm bụi tại khu vực thi công với tần suất tối thiểu là 02 lần/ngày trong những ngày không mưa, tăng tần suất trong mùa khô; thường xuyên dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công và đường tiếp cận, đảm bảo thi công tới đâu sạch tới đó.

- Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động trong khi làm việc để bảo đảm an

toàn và sức khỏe cho công nhân lao động.

- Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (QCVN 05:2023/BTNMT), quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân => Thùng rác 120 lít (03 thùng) có nắp đậy gần khu vực tập kết nguyên liệu => Chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và vận chuyển rác thải đến nơi xử lý đúng quy định, định kỳ 01 ngày/lần.

- Phế liệu từ quá trình xây dựng (sắt, thép, giấy, bao bì,...) => Lưu giữ tại khu vực chứa chất thải tạm thời diện tích 12m² đặt gần khu vực ra vào dự án, định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Đất từ quá trình đào (Nhà xưởng 01, 02, 03, 04, xưởng cơ khí, nhà kho, nhà văn phòng, nhà ăn và nghỉ giữa ca công nhân viên, cống thoát nước mưa, nước thải, các công trình xử lý nước thải), chất thải tro (gạch, cát, đá, gỗ, xà bần, gỗ cốppha, nhựa vụn...) => San lấp tại chỗ (phần đất sẽ nén và gọt đi đắp đồi trồng cỏ, cây) và hợp đồng xử lý hoặc bán phế liệu (đối với gỗ, xà bần, gỗ cốppha, nhựa vụn...).

- Chất thải rắn, bùn thải từ nhà vệ sinh lưu động phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại tại khu vực chứa chất thải tạm thời, diện tích 20m² => Chuyển giao cho đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thực hiện kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng, tra dầu mỡ bôi trơn trong quá trình sử dụng các máy, móc thiết bị tại công trường. Các máy móc, thiết bị thi công có lý lịch kèm theo và được kiểm tra, theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật. Có kế hoạch thi công hợp lý. Không vận hành nhiều thiết bị có mức phát sinh độ ồn, rung động lớn cùng lúc nhằm hạn chế khả năng cộng hưởng làm tăng cường độ của tiếng ồn, rung động. Bố trí các máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng

cách hợp lý, tránh tập trung tiếng ồn trong khu vực.

- Tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT) và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

4.1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu các tác động khác

- Không chở nguyên vật liệu vượt quá tải trọng cho phép của phương tiện.
- Sử dụng các phương tiện được đăng kiểm, kiểm định đúng quy định.
- Cải tạo chất lượng đường khi xảy ra hư hỏng.
- Ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước mưa nội bộ trước để tránh xảy ra tình trạng ngập úng tạm thời.
- Xe chở nguyên vật liệu xây dựng vào cho công trường, các phương tiện ra khỏi công trường phải kín khít, được che chắn, rửa sạch gầm và bánh xe trước khi lăn bánh ra đường công cộng.

4.2. Trong giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

a) Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt công nhân (*sau bể tự hoại*) + Nước thải nhà ăn (*sau bể tách dầu mỡ*) => Hệ thống thu gom và thoát nước thải nội bộ của dự án uPVC đường kính D150mm – D250mm => Bể điều hòa của công trình xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải xả đáy hồ cảnh quan => Hệ thống thu gom và thoát nước thải nội bộ của dự án uPVC đường kính D150mm – D250mm => Bể điều hòa của công trình xử lý nước thải tập trung.

- Quy trình công nghệ xử lý: Nước thải => Bể điều hòa => Bể thiếu khí => Bể hiếu khí => Bể lắng => Bể trung gian => Bồn lọc áp lực => Bể khử trùng => Bơm về hồ ga thu gom cuối cùng ở phía Đông (*dài 204,1m, ống PVC đường kính D250mm*) => Cống BTCT D1500mm, dài 11,20m bằng đường hiện hữu => Mương đá hộp dạng hở kích thước D_xR_xH (m) = 250 x 2,5 x 3 (m) => Suối Cây Khô cách dự án khoảng 250m về phía Đông Bắc => Sông Bé.

- Công suất thiết kế: 120 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Javel (NaOCl).

- Nguồn tiếp nhận: suối Cây Khô.

- Dòng thải ra môi trường: 01 dòng (*sau công trình xử lý nước thải tập trung*).

- Vị trí xả thải: X (m) = 1.243.189,193m; Y (m) = 617.078,578m (*Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiếu 3°*).

- Phương thức xả thải: bơm cưỡng bức.

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:

2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$ trước khi xả ra suối Cây Khô.

b) Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Bụi kim loại và đá mài phát sinh từ công đoạn mài (tại Nhà xưởng 03):

+ Bụi phát sinh từ chuyển mài số 01 đến số 08 từ công đoạn mài $\Rightarrow$ Chụp hút thu gom (01 bề mài có 6 chụp hút, kích thước $D \times R$ (mm) = 2.000×500 (mm), vật liệu: tôn kẽm dày 0,8mm) $\Rightarrow$ Ống dẫn, đường kính D200mm (vật liệu: tôn kẽm dày 0,8mm) $\Rightarrow$ Ống nhánh, đường kính D400mm (vật liệu: tôn kẽm dày 0,8mm) $\Rightarrow$ Ống chính, đường kính D600mm (vật liệu: tôn kẽm dày 0,8mm) $\Rightarrow$ 02 Thiết bị lọc bụi túi vải số 01, 02 $\Rightarrow$ 02 Quạt hút chính (mỗi quạt có công suất 45 kW, lưu lượng $42.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$) $\Rightarrow$ 02 ống thải (Ống tôn mạ kẽm, đường kính D600mm, chiều cao 9m tính từ mặt đất).

+ Số lượng công trình xử lý: 02 công trình.

+ Dòng thải ra môi trường: 02 dòng (sau thiết bị lọc bụi túi vải 01, 02).

+ Tọa độ xả thải:

- Dòng khí thải số 01 (sau thiết bị lọc bụi túi vải 01): X (m) = 1.243.498,268; Y (m) = 616.655,375.

- Dòng khí thải số 02 (sau thiết bị lọc bụi túi vải 01): X (m) = 1.243.435,065; Y (m) = 616.735,212.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^\circ 45'$, múi chiếu 3°).

+ Phương thức xả thải: liên tục.

- Bụi phát sinh từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại bằng máy phun bi thép (tại Nhà xưởng 03):

+ Các tạp chất trên bề mặt sản phẩm và bi thép $\Rightarrow$ Sàn thu hồi $\Rightarrow$ Bộ phận tách bi $\Rightarrow$ Bi thép sẽ được giữ lại để tái sử dụng, bụi bẩn được tách khỏi bi thép và được đẩy sang thùng chứa bụi $\Rightarrow$ Bụi phát sinh được bàn giao cho đơn vị thu gom, xử lý.

+ Khí thải mang theo bụi $\Rightarrow$ 03 quạt hút chính (mỗi quạt có công suất 18,5 kW, lưu lượng $15.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$) $\Rightarrow$ 03 thiết bị lọc bụi túi vải số 03, 04, 05 (đi kèm hệ thống máy phun bi) $\Rightarrow$ 03 Ống thải (Ống tôn mạ kẽm, đường kính D400mm, chiều cao 15m tính từ mặt đất).

+ Số lượng công trình xử lý: 03 công trình.

+ Dòng thải ra môi trường: 03 dòng (sau thiết bị lọc bụi túi vải 03, 04, 05).

+ Tọa độ xả thải:

- Dòng khí thải số 03 (sau thiết bị lọc bụi túi vải 03): X (m) = 1.243.457,036; Y (m) = 616.746,268.

- Dòng khí thải số 04 (sau thiết bị lọc bụi túi vải 04): X (m) = 1.243.485,102; Y (m) = 616.720,340

- Dòng khí thải số 05 (sau thiết bị lọc bụi túi vải 05): X (m) =

1.243.506,153; Y (m) = 616.700,394

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Phương thức xả thải: liên tục.

- Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ công đoạn phun sơn (tại Nhà xưởng 04):

+ Bụi sơn và hơi dung môi phát sinh từ buồng phun sơn số 01 đến số 08 → Màng lọc bằng sợi bông thủy tinh => Hơi dung môi => Chụp hút thu gom (01 buồng sơn có 4 chụp hút, kích thước $800\text{mm} \times 500\text{mm} \times 500\text{mm}$, vật liệu: tôn kẽm dày $0,8\text{mm}$) => Ống dẫn, đường kính D400mm (vật liệu: tôn kẽm dày $0,8\text{mm}$) => Ống nhánh, đường kính D600mm (vật liệu: tôn kẽm dày $0,8\text{mm}$) => Ống chính, đường kính D600mm (vật liệu: tôn kẽm dày $0,8\text{mm}$) => 02 thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính số 01, 02 (vật liệu: thép CT3) => 02 Quạt hút (công suất mỗi quạt là 30HP, lưu lượng hút $30.000\text{m}^3/\text{giờ}$) => 02 ống thải (Ống tôn mạ kẽm, đường kính D600mm, chiều cao 15m tính từ mặt đất).

+ Số lượng công trình xử lý: 02 công trình.

+ Dòng thải ra môi trường: 02 dòng (sau thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính 01,02)

+ Tọa độ xả thải:

- Dòng khí thải số 06 (sau thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính 01): X (m) = 1.243.558,008; Y (m) = 616.756,526.

- Dòng khí thải số 07 (sau thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính 02): X (m) = 1.243.496,846; Y (m) = 616.820,368

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

+ Phương thức xả thải: liên tục.

- Đối với máy phát điện: Bố trí 02 ống thải cho 02 máy phát điện mỗi ống có đường kính D400mm, chiều cao 06m sau đó thoát ra ngoài môi trường.

- Tuân thủ QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($K_p = 0,8$; $K_v = 1,2$); QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân => Thùng rác 30 lít, 120 lít, 240 lít có nắp đậy => Thu gom về khu vực tập kết chất thải rắn phía sau nhà kho của dự án (diện tích 10m^2) => Chuyển giao cho đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường => Phân loại (*tái sử dụng, tái chế, xử lý*) => Thùng rác => Kho chứa chất thải rắn thông thường bố trí bên trong nhà kho (*diện tích 350m²*) => Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn phải được phân loại, thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (*chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt phải xử lý*) theo quy định tại Điều 10 Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 22/2022/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1734/QĐ-YBND ngày 04/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Chất thải nguy hại lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại bố trí bên trong nhà kho (*diện tích 210m²*). Thiết kế, cấu tạo nhà chứa: Vách tường; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo (*kích thước mỗi chiều tối thiểu 30cm*); trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy;... theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Đối với khu vực có máy móc, thiết bị phát sinh độ ồn, độ rung lớn như các máy cắt, máy đập, máy khoan, máy hàn,... sẽ bố trí khoảng cách các máy móc thiết bị hợp lý, không tập trung về cùng một khu vực với số lượng máy lớn.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc, thiết bị theo định kỳ và sửa chữa khi cần thiết (*như thay dầu bôi trơn các máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc thiết bị hư hỏng, ...*).

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân và thường xuyên kiểm tra, theo dõi chặt chẽ quá trình thực hiện.

- Khu vực sản xuất được bố trí cách biệt với khu vực văn phòng.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên để giảm thiểu tiếng ồn với tổng diện tích cây xanh là khoảng 35.291,9 m² tương ứng 25,66% tổng diện tích của dự án.
- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Công tác phòng cháy và chữa cháy, an toàn hóa chất, tai nạn lao động: Xây dựng và thực hiện phương án, kế hoạch về phòng cháy, chữa cháy, tai nạn lao động, an toàn hóa chất theo quy định của pháp luật.
- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố công trình xử lý nước thải:
 - + Bể xử lý thiết kế phải an toàn, có lan can bảo vệ, có hành lang công tác đủ rộng.
 - + Khi lắp đặt hệ thống điện, tủ điện cần đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật và được tiến hành bởi người có chuyên môn.
 - + Hóa chất sử dụng cho hệ thống và máy móc, thiết bị dự phòng được đặt trong nhà vận hành có mái che, hóa chất bố trí hợp lý tránh khả năng tương tác giữa các loại hóa chất.
 - + Công nhân vận hành được đào tạo kỹ càng về các vấn đề liên quan đến thiết kế kỹ thuật trạm xử lý, cách vận hành cũng như các sự cố thường gặp và phương án ứng phó với từng trường hợp, hạn chế thấp nhất các sự cố đáng tiếc xảy ra do thiếu hiểu biết.
 - + Trong nhà vận hành có bố trí thiết bị phòng cháy nổ.
 - + Bố trí bể phòng ngừa ứng phó sự cố có thể tích 300m³ bên cạnh công trình xử lý nước thải nhằm phòng ngừa, ứng phó sự cố khi nước thải xử lý không đạt yêu cầu.
- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố công trình xử lý bụi, khí thải:
 - + Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải (thiết bị lọc bụi túi vải, thiết bị hấp phụ bằng than hoạt tính), thay vật liệu lọc bụi sơn định kỳ nhằm đảm bảo hiệu suất xử lý.
 - + Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:
 - + Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như quạt hút, vật liệu hấp phụ...
 - + Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý môi trường bụi, khí thải phù hợp với công suất dự kiến nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.

+ Máy móc thiết bị của hệ thống xử lý sẽ được kiểm tra định kỳ để đảm bảo rằng hệ thống luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất có thể. Có thiết bị dự trữ thay thế khi xảy ra sự cố.

- Bố trí quạt hút thông gió xung quanh nhà xưởng để làm thông thoáng, điều hòa lưu thông không khí.

- Bố trí máy móc với khoảng cách hợp lý để tạo không gian làm việc thông thoáng cho công nhân.

- Trang bị đầy đủ các bảo hộ cần thiết về an toàn lao động cho công nhân làm việc gồm quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, kính bảo vệ mắt, ủng,...

- Đảm bảo kinh phí để thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4.4.2. Các công trình, biện pháp khác

- Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của dự án được thiết kế tách riêng với hệ thống thu gom nước thải. Hệ thống thoát nước mưa gồm 01 hệ thống thoát nước chính bằng cống BTCT có đường kính D300mm – D1500mm chạy vòng theo khuôn viên xây dựng Dự án. Cống có độ dốc $i=0.3\%$ dẫn về 01 điểm đầu nối trước khi thoát ra suối Cây Khô.

- Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và lập thủ tục cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất, sử dụng nước dưới đất theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường lao động tại nơi làm việc và xung quanh khu vực nhà máy.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Chương trình giám sát trong giai đoạn thi công, xây dựng

a) Giám sát không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (tại khu vực xây dựng.).
- Thông số giám sát: Tiếng ồn, Bụi tổng, SO_2 , NO_2 , CO.
- Tần suất: 01 lần trong quá trình thi công xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí - QCVN 05:2023/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 26:2010/BTNMT.

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển

và xử lý theo đúng quy định.

5.2. Chương trình giám sát trong giai đoạn đi vào vận hành

a) Giám sát khí thải tại nguồn

- Vị trí và thông số giám sát: 07 vị trí

+ Vị trí 01: tại ống phát thải của công trình xử lý bụi 01 từ công đoạn mài, (Nhà xưởng 03). Thông số giám sát: Lưu lượng; bụi.

+ Vị trí 02: tại ống phát thải của công trình xử lý bụi 02 từ công đoạn mài, (Nhà xưởng 03). Thông số giám sát: Lưu lượng; bụi.

+ Vị trí 03: tại ống phát thải của công trình xử lý bụi 03 từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại bằng máy phun bi thép 01 (Nhà xưởng 03). Thông số giám sát: Lưu lượng; bụi.

+ Vị trí 04: tại 01 ống phát thải của công trình xử lý bụi 04 từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại bằng máy phun bi thép 02 (Nhà xưởng 03). Thông số giám sát: Lưu lượng; bụi.

+ Vị trí 05: tại ống phát thải của công trình xử lý bụi 05 từ quá trình làm sạch bề mặt kim loại bằng máy phun bi thép 03 (Nhà xưởng 03). Thông số giám sát: Lưu lượng; bụi.

+ Vị trí 06: tại ống phát thải của công trình xử lý bụi sơn, hơi dung môi 01 từ công đoạn phun sơn (Nhà xưởng 04). Thông số giám sát: Lưu lượng; bụi; Xylene, Ethylbenzen, Toluene.

+ Vị trí 07: tại ống phát thải của công trình xử lý bụi sơn, hơi dung môi 02 từ công đoạn phun sơn (Nhà xưởng 04). Thông số giám sát: Lưu lượng; bụi; Xylene, Ethylbenzen, Toluene.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ - QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p = 0,8$, $K_v = 1,2$; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ - QCVN 20:2009/BTNMT.

b) Giám sát nước thải

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (sau công trình xử lý nước thải).

- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, Tổng Nitơ, Tổng Phospho, Dầu mỡ động thực vật, Tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp - QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, $K_q = 0,9$, $K_f = 1,2$.

d) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Thực hiện phân định, phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ

môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục công trình của dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

- Kiểm tra, quản lý chặt chẽ các chất thải từ các quá trình thi công; thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn, trật tự, vệ sinh và phòng, chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

- Lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường và chỉ được phép đi vào vận hành khi được cấp giấy phép môi trường.

- Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc tuân thủ chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

- Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp có sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do triển khai dự án theo đúng quy định. Bồi thường, sửa chữa đường nếu gây ra hư hỏng.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai dự án. Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường khi Dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật.

- Cải tạo mương đất hiện hữu thành mương đá học: Thời gian cải tạo từ ngày 12 tháng 4 năm 2024 đến ngày 12 tháng 6 năm 2024 (*Theo Công văn số 120/UBND-VX ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Tam Lập về việc chấp thuận đầu nối hệ thống thoát nước thải, nước mưa từ Dự án ra cống thải hiện hữu, nằm trên đường đất phía Đông khu đất*).